

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Đỗ Thị M, sinh năm 198x

Cư trú tại: Khu x, thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

Và anh Lê Đỗ C, sinh năm 198x

Cư trú tại: Khu x, thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C đăng ký kết hôn ngày 10/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị M và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C ham chơi, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh C đánh chị M và chị M đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2018. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị M và anh C hiện đang sống ly thân. Đến nay, chị M và anh C cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ gia đình nhưng các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị M và anh C đã sống ly thân. Việc thuận tình ly hôn của chị M và anh C là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C có 02 con chung là Lê Đỗ Đ, sinh ngày 23/02/200x và Lê Thị Bích P, sinh ngày 18/9/201x. Chị M và anh C thỏa thuận, sau khi ly hôn, chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị M và anh C thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con và cấp

dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị M và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về Tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C thỏa thuận để chị M chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thị Bích P, sinh ngày 18/9/201x; anh Lê Đỗ C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Đỗ Đ, sinh ngày 23/02/2000 đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị M và anh Lê Đỗ C thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0008347 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, chị M đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- UBND xã T, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 10/3/2006).
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**  
**Cao Anh Tuấn**  
**(Đã ký)**